

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/DS-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An.
2. Ông Đinh Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 207/2020/TLST–DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn:

1. Anh Trương Văn H, sinh năm 1973.
2. Chị Ngô Thị Tuyết A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Chị Nh có đơn xin vắng mặt; anh H, chị A vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nh trình bày:

Vào năm 2017 và năm 2018, anh H, chị A có tham gia hai dây hui do chị làm chủ hui, cụ thể:

Dây thứ nhất, hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần, khai ngày 20/8/2017 âm lịch, anh H, chị A tham gia 02 phần. Sau khi tham gia anh H, chị A đã hốt hui lần thứ 2 và thứ

8, chị đã giao đủ tiền hội cho anh H, chị A. Sau khi hốt hội, anh H, chị A đóng hội chết đến lần khai thứ 18, còn nợ lại 17 lần hội chết của 2 phần mà chị đóng thay cho anh H, chị A là 34.000.000 đồng.

Dây thứ hai, hội 1.000.000 đồng/tháng, gồm 42 phần, khai ngày 25/6/2018 âm lịch, anh H, chị A tham gia 03 phần. Sau khi tham gia anh H, chị A đã hốt hội lần thứ 2 và thứ 8, chị đã giao đủ tiền hội cho anh H, chị A. Sau khi hốt hội, anh H, chị A đóng hội chết đến lần khai thứ 8, còn nợ lại 34 lần hội chết của 2 phần mà chị đóng thay cho anh H, chị A là 68.000.000 đồng. Phần hội còn lại anh H, chị A đóng hội sống cho chị được 3.495.000 đồng, trừ vào tiền hội chết 68.000.000 đồng thì anh H, chị A còn nợ chị 64.505.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hội anh H, chị A còn nợ chị số tiền 98.505.000 đồng. Việc anh H, chị A hốt hội nhưng không đóng tiền hội chết cho chị thời gian qua đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị rất nhiều. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu anh H, chị A trả ngay cho chị số tiền hội 98.505.000 đồng.

Anh H, chị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh H, chị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nh, anh H và chị A theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét chị Nh yêu cầu anh H, chị A trả số tiền hội 98.505.000 đồng, thấy rằng:

Tại các giấy có nội dung giao tiền hội ngày 01/10/2017 âm lịch, ngày 29/3/2018 âm lịch, 03/8/2018 âm lịch và 05/02/2019 âm lịch, thể hiện anh H, chị A đã nhận tiền hội từ chị Nh. Chị Nh là chủ hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hội là giao tiền hội đầy đủ khi anh H, chị A hốt hội. Nhưng anh H, chị A đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của hội viên là tiếp tục đóng các phần hội chết còn lại cho chủ hội theo thỏa thuận là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của hội viên được quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên anh H, chị A phải chịu trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Do đó, anh H, chị A có nghĩa vụ trả ngay cho chị Nh số tiền hội 98.505.000 đồng.

Mặt khác, anh H, chị A không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Nh nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Nh.

[4] Về án phí: Anh H, chị A phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 288, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, Điều 24 Nghị định số Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Nh.

2. Buộc anh Trương Văn H và chị Ngô Thị Tuyết A có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho chị Trương Thị Nh số tiền hộ 98.505.000 đồng (Chín mươi tám triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H, chị A chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Anh Trương Văn H và chị Ngô Thị Tuyết A phải chịu 4.925.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Trương Thị Nh 2.462.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0005457 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nh, anh H và chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nA:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức